

Số: 1838/CT-BNN-BVTV

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022

CHỈ THỊ

Về tăng cường công tác quản lý mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói nông sản phục vụ xuất khẩu

Việc thiết lập và cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói nông sản là yêu cầu bắt buộc của các thị trường và thông lệ quốc tế nhằm đảm bảo tuân thủ quy định của nước nhập khẩu về kiểm dịch thực vật (KDTV), an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc. Trong những năm vừa qua, công tác thiết lập và cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói đã đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần nâng cao uy tín của nông sản Việt Nam trên thị trường quốc tế và tăng kim ngạch xuất khẩu; đồng thời cũng góp phần định hướng người nông dân thực hành sản xuất chuyên nghiệp hơn, theo tiêu chuẩn và thị hiếu của thị trường. Mặc dù vậy, còn nhiều địa phương chưa thực sự quan tâm đúng mức đến công tác này. Tỷ lệ diện tích trồng trọt được cấp mã số vùng trồng chưa cao, mới chỉ tập trung ở một số cây ăn quả chủ lực. Bên cạnh đó, công tác giám sát vùng trồng, cơ sở đóng gói sau khi được cấp mã số tại một số địa phương vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đảm bảo duy trì đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật theo quy định của nước nhập khẩu. Tình trạng mạo danh mã số và vi phạm quy định về KDTV, an toàn thực phẩm hay phòng chống Covid-19 của vùng trồng và cơ sở đóng gói vẫn còn tồn tại khiến nước nhập khẩu phải cảnh báo hoặc tạm dừng nhập khẩu.

Để công tác thiết lập, quản lý mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói phục vụ xuất khẩu đi vào thực chất và hiệu quả hơn đồng thời nâng cao trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan và góp phần xây dựng nền nông nghiệp chuyên nghiệp và bền vững, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (PTNT) đề nghị:

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Xây dựng, bổ sung các chỉ tiêu về mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói vào Nghị quyết, chương trình, đề án, kế hoạch hành động phát triển kinh tế xã hội tại địa phương.

b) Xây dựng và ban hành các chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển các vùng trồng và cơ sở đóng gói theo quy mô sản xuất hàng hóa đáp ứng yêu cầu của nước nhập khẩu.

c) Bố trí nguồn lực (nhân lực và tài chính) thực hiện công tác thiết lập và quản lý vùng trồng, cơ sở đóng gói trong đó chú trọng tập huấn, nâng cao nhận thức cho tổ chức, cá nhân liên quan; thực hiện các chương trình giám sát dư lượng thuốc BVTV; áp dụng các biện pháp quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp, duy trì chất lượng của vùng trồng, cơ sở đóng gói đã được cấp mã số.

d) Chủ động phối hợp với Bộ Nông nghiệp và PTNT thiết lập và đảm bảo các điều kiện kỹ thuật cần thiết đối với các vùng trồng, cơ sở đóng gói tại địa phương để phục vụ công tác mở cửa thị trường, giải quyết các rào cản kỹ thuật và xử lý các thông báo không tuân thủ quy định KDTV, an toàn thực phẩm hoặc phòng chống Covid-19...

e) Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin để quản lý vùng trồng và cơ sở đóng gói trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia do Bộ Nông nghiệp và PTNT (Cục Bảo vệ thực vật) xây dựng.

f) Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức thực hiện công tác thiết lập và quản lý mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói theo đúng hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Đặc biệt chú trọng công tác tập huấn nông dân về quy trình canh tác theo hướng sử dụng vật tư đầu vào tiết kiệm, an toàn và hiệu quả; ghi chép và hoàn thiện các hồ sơ liên quan trong quá trình sản xuất phục vụ truy xuất nguồn gốc theo yêu cầu của nước nhập khẩu.

g) Chỉ đạo các cơ quan chức năng tại địa phương tăng cường thanh tra, kiểm tra việc quản lý và sử dụng mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói tại địa phương; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

h) Bố trí cán bộ đầu mối và có phương án chuyên giao khi có sự thay đổi vị trí công tác để đảm bảo duy trì ổn định hoạt động quản lý mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói.

2. Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Cục Bảo vệ thực vật

- Hoàn thiện việc xây dựng các Tiêu chuẩn quốc gia; cập nhật các tài liệu hướng dẫn về thiết lập và quản lý vùng trồng, cơ sở đóng gói để tập huấn cho các tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Chủ động đàm phán với Cơ quan kỹ thuật của nước nhập khẩu để mở cửa thị trường, tăng số lượng mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói được phép xuất khẩu; giải quyết các rào cản kỹ thuật để tạo thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu.

- Chủ trì, phối hợp với các địa phương tăng cường công tác quản lý, giám sát chặt chẽ vùng trồng, cơ sở đóng gói đảm bảo duy trì đáp ứng các quy định KDTV và an toàn thực phẩm.

- Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn kỹ thuật cho từng đối tượng áp dụng (người nông dân, doanh nghiệp, cán bộ kỹ thuật địa phương...) về các quy định kiểm dịch thực vật, an toàn thực phẩm theo chuỗi từ sản xuất đến xuất khẩu trên từng loại sản phẩm trồng trọt cụ thể. Đảm bảo nguyên tắc dễ hiểu, dễ tiếp cận và dễ áp dụng.

- Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin để quản lý cơ sở dữ liệu về vùng trồng, cơ sở đóng gói đảm bảo sử dụng dữ liệu hiệu quả và truy xuất nguồn gốc nhanh chóng, minh bạch.

- Phối hợp và hỗ trợ xây dựng kế hoạch phát triển vùng trồng, cơ sở đóng gói trên cơ sở thực tế, đặc thù và nhu cầu của từng địa phương.

b) Các Cục, Vụ, Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Trung tâm Khuyến nông quốc gia:

- Vụ Tài chính: bố trí kinh phí để thực hiện các hoạt động phát triển mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói và mở cửa thị trường, giải quyết các rào cản kỹ thuật.

- Cục Kinh tế hợp tác và PTNT, Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: nghiên cứu đề xuất đưa các chỉ tiêu về mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói vào Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

- Trung tâm Khuyến nông quốc gia: xây dựng các chương trình tập huấn, truyền thông về mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói trong kế hoạch hoạt động hàng năm của khuyến nông.

- Cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản: bố trí kinh phí, tổ chức thực hiện các chương trình giám sát dư lượng thuốc BVTV tại các vùng trồng được cấp mã số.

- Các đơn vị khác: phối hợp chặt chẽ với Cục BVTV trong công tác tuyên truyền và triển khai thực hiện thiết lập, quản lý mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói.

3. Các doanh nghiệp, hội, hiệp hội

a) Các doanh nghiệp và người sản xuất

- Chủ động xây dựng vùng nguyên liệu đáp ứng quy định của nước nhập khẩu. Đảm bảo luôn duy trì tình trạng đáp ứng quy định của nước nhập khẩu tại vùng trồng, cơ sở đóng gói.

- Phối hợp với Cục BVTV và cơ quan quản lý tại địa phương tổ chức tập huấn cho nông dân trong vùng nguyên liệu đảm bảo thực hiện đúng các quy định kỹ thuật.

- Chủ động có các biện pháp bảo vệ mã số của mình, kịp thời thông báo cho cơ quan quản lý khi có thay đổi thông tin liên quan đến vùng trồng, cơ sở

đóng gói hay khi phát hiện vi phạm liên quan đến sử dụng mã số để có biện pháp xử lý kịp thời.

b) Hiệp hội ngành hàng

- Tăng cường tuyên truyền cho hội viên về quy định về mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói, đặc biệt là quy định KDTV, an toàn thực phẩm của nước nhập khẩu.

- Phối hợp với Cục BVTV và cơ quan đầu mối tại địa phương hỗ trợ kỹ thuật cho các thành viên tích cực tham gia phát triển mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói tại địa phương phục vụ xuất khẩu.

Bộ Nông nghiệp và PTNT đề nghị UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cấp, các ngành, thủ trưởng cơ quan thuộc Bộ, hội, hiệp hội, doanh nghiệp, người dân thực hiện các nội dung trên và thường xuyên báo cáo về Bộ Nông nghiệp và PTNT (qua Cục Bảo vệ thực vật) kết quả thực hiện cũng như khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Chỉ thị này để phối hợp giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW (để c/d);
- Bộ trưởng Lê Minh Hoan (để b/c);
- Sở NN&PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW (để t/h);
- Các Cục: Trồng trọt, BVTV (để t/h);
- Thanh tra Bộ, Vụ KHCN&MT, TT KNQG (để t/h);
- Các đơn vị nghiên cứu thuộc Bộ;
- HHPBVN, HHNNHCVN (để p/h);
- Đài THVN, Đài TNVN, Báo NNVN (để đưa tin);
- Lưu: VT, BVTV.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Quốc Doanh